

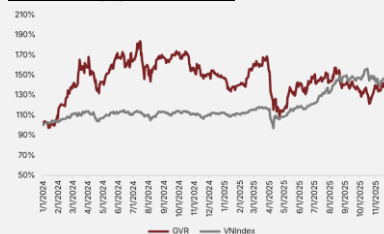
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (GVR: HOSE)

Ngày báo cáo: 20/11/2025
 NGÀNH: BẤT ĐỘNG SẢN
 CVPTCC: Ngô Thị Kim Thanh
 Email: thanhntk@ssi.com.vn

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
 Giá mục tiêu 1Y: **35.700 VNĐ**
 Giá CP ngày 19/11/2025: 28.000 VNĐ
 % Tăng giá: **+27,5%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 2.252
 Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 112.000
 Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 4.000
 KLGD TB 3 tháng (triệu cp): 3,1
 Giá cao/thấp nhất 52T (VNĐ): 34,5/22
 GTGD TB 3 tháng (tỷ đồng): 89,0
 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 0,5
 Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 96,8

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) được thành lập từ năm 1975. Ngày 26/12/2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa. VRG hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 1/6/2018. VRG hiện quản lý 394.782 ha diện tích trồng cao su, sản lượng bình quân 500.000 tấn cao su/năm - chiếm 30% tổng sản lượng cao su Việt Nam. Ngoài ra, VRG hiện có 5 công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp, 18 nhà máy sản xuất gỗ cao su, MDF và phát triển 11 KCN tại các công ty con, công ty liên kết.

KQKD Q3 tiếp đà tăng trưởng, chuyển đổi đất thúc đẩy tăng trưởng dài hạn

KQKD Q3/2025 ấn tượng

GVR ghi nhận doanh thu 9,29 nghìn tỷ đồng (+20% svck) và LNST đạt 2,18 nghìn tỷ đồng (+95% svck), được thúc đẩy bởi sản lượng tiêu thụ cao ở mảng cao su, đóng góp từ lợi nhuận các công ty liên doanh, cùng 131 tỷ đồng tiền bồi thường đất từ hoạt động chuyển đổi đất trồng cao su sang đất khu công nghiệp.

Doanh thu cho thuê đất KCN bù đắp cho mảng cao su

Mặc dù giá bán cao su bình quân dự kiến tăng 5% svck, doanh thu cao su năm 2026 được dự báo giảm 3% svck do ảnh hưởng thời tiết làm hạn chế sản lượng. Trong khi đó, mảng cho thuê đất khu công nghiệp dự kiến tăng mạnh 35% svck lên 95 ha, ghi nhận 1,3 nghìn tỷ đồng doanh thu (+30% svck), động lực đến từ các dự án Nam Tân Uyên 3 và Bắc Đồng Phú giai đoạn 2.

Chuyển đổi đất mở ra tăng trưởng

GVR đang đẩy nhanh các thủ tục phê duyệt cho 23.444 ha đất khu công nghiệp đến năm 2030, tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam. Năm 2026, chúng tôi dự báo doanh thu từ chuyển đổi đất đạt 3,2 nghìn tỷ đồng (+102% YoY) và LNTT 2,63 nghìn tỷ đồng, trên giả định chuyển đổi 1.000 ha tại Đồng Nai.

Luận điểm đầu tư

GVR sở hữu quỹ đất cao su lớn nhất Việt Nam cùng chiến lược phát triển khu công nghiệp ngày càng tăng tốc, chúng tôi đưa ra giá mục tiêu cho GVR là 35.700 đồng/cp (tiềm năng tăng giá là 27,5%) và duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN.

Bảng chỉ tiêu tài chính

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu	26.226	25.483	22.138	26.242	29.033	31.704
% tăng trưởng	24,20%	-2,83%	-13,13%	18,54%	10,64%	9,20%
Lợi nhuận gộp	7.575	6.342	4.963	6.965	7.130	7.275
Biên lợi nhuận gộp	28,88%	24,89%	22,42%	26,54%	24,56%	22,80%
Thu nhập tài chính	831	885	1.115	957	986	1.016
Chi phí tài chính	-716	-696	-618	-465	-325	-309
SG&A	-2.189	-2.354	-2.455	-2.879	-2.455	-2.627
Thu nhập khác	82	658	165	867	1.584	2.856
LNTT	6.212	5.701	4.123	5.606	7.267	8.608
LN ròng	4.158	3.838	3.372	4.827	6.830	7.370
Tăng trưởng LNR (%)	10,29%	-7,70%	-12,14%	43,14%	41,53%	7,89%
EPS (VNĐ)	1.040	807	646	1.207	1.708	1.843

Nguồn: GVR, SSI ước tính

Cập nhật KQKD Q3/2025

Trong Q3/2025, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt lần lượt 9,29 nghìn tỷ đồng (+20% svck) và 2,18 nghìn tỷ đồng (+95% svck), chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ cao và giá cao su bình quân tăng 4,9% svck, cùng với đóng góp lợi nhuận từ các công ty liên doanh và khoản thu bồi thường giải phóng mặt bằng.

Mảng Sản xuất mủ cao su tự nhiên. Doanh thu thuần đạt 7,6 nghìn tỷ đồng (+23,5% svck), chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 19% svck và giá cao su bình quân tăng 4,9% svck. Lợi nhuận gộp đạt 2,1 nghìn tỷ đồng (+79% svck), chiếm 82% tổng lợi nhuận gộp. Biên lợi nhuận gộp tăng lên 28,9%, cao hơn đáng kể mức 19,7% cùng kỳ năm ngoái nhờ giá bán cải thiện và chi phí đầu vào thấp.

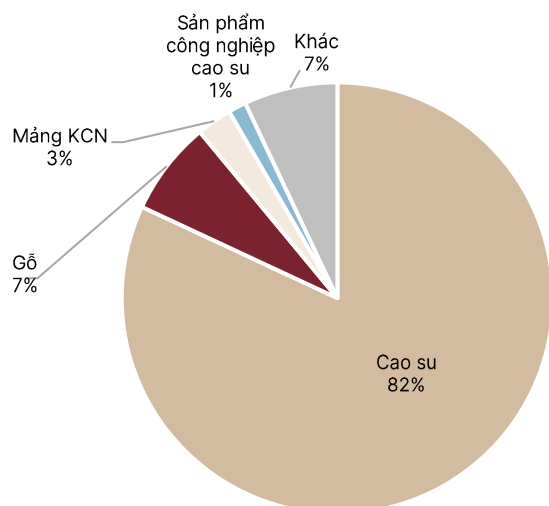
Mảng Sản xuất và kinh doanh sản phẩm cao su. Doanh thu đạt 125 tỷ đồng (-49,8% svck), chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ lốp xe tải và xe máy giảm mạnh.

Mảng Chế biến gỗ cao su. Tập đoàn đang vận hành 18 nhà máy gỗ với tổng công suất khoảng 1,076 triệu m³/năm. Doanh thu mảng này giảm xuống 655 tỷ đồng (-15% svck) do nhu cầu đối với sản phẩm gỗ MDF suy yếu và cạnh tranh giá gia tăng. Biên lợi nhuận gộp đạt 7,3%, giảm từ mức 10,9% cùng kỳ năm ngoái. Phần lớn sản lượng MDF được tiêu thụ trong nước do cạnh tranh gay gắt, trong bối cảnh MDF là nguyên liệu chính cho ngành sản xuất đồ nội thất và ngoại thất, lĩnh vực đang bị ảnh hưởng bởi mức thuế xuất khẩu 20% khi xuất khẩu sang thị trường Mỹ.

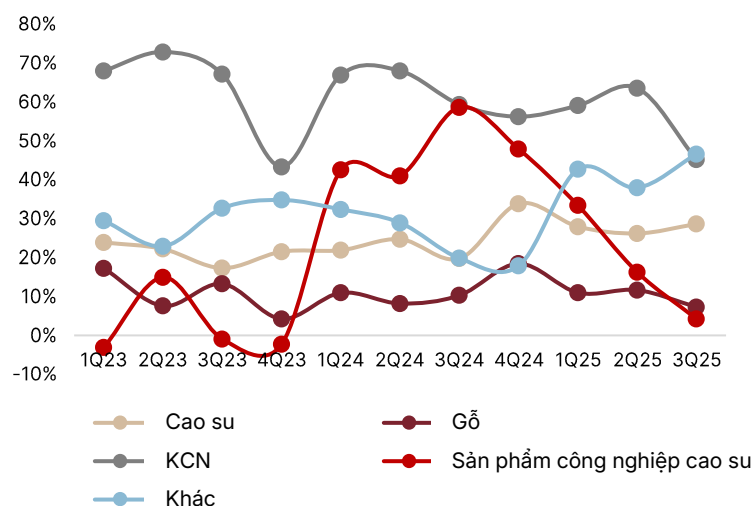
Mảng Khu công nghiệp. GVR hiện đầu tư tại 11 công ty con phát triển hạ tầng KCN, gồm: Bắc Đồng Phú, Dầu Giây, Nam Tân Uyên, An Điền, Tân Bình, Long Khánh, Bình Long, Công Hòa, Thống Nhất, VRG Long Thành và Nam Pleiku, với tổng quỹ đất hơn 6.566 ha. Doanh thu từ các KCN đạt 246 tỷ đồng (+95% svck), tăng mạnh do thay đổi chính sách ghi nhận doanh thu tại các KCN như Nam Tân Uyên, chuyển từ ghi nhận đều sang ghi nhận một lần sau khi điều chỉnh tổng mức đầu tư. Lợi nhuận gộp đạt 193 tỷ đồng (+158% svck) trong Q3/2025.

Ngoài ra, trong Q3/2025 GVR ghi nhận 131 tỷ đồng tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (+27 lần svck), chủ yếu từ bồi thường diện tích đất trồng cao su được chuyển đổi sang đất khu công nghiệp.

Doanh thu theo mảng hoạt động trong Q3/2025



Biên lợi nhuận gộp (%) theo mảng hoạt động trong Q1/2021-Q3/2025



Nguồn: GVR, SSI Research

GVR nắm giữ 21,4 nghìn tỷ đồng tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, chiếm 25% tổng tài sản. Trong khi đó, nợ ngắn hạn và dài hạn giảm xuống còn 3,24 nghìn tỷ đồng (-54% svck), tương ứng tỷ lệ D/E chỉ ở mức 0,05x trong Q3/2025. Tỷ lệ tiền mặt ròng/vốn hóa đạt 16%.

Kết quả kinh doanh 10T2025. Theo chia sẻ của ban lãnh đạo, GVR ghi nhận doanh thu khoảng 25,88 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 83,4% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 6,4 nghìn tỷ đồng, tương đương 109% kế hoạch năm của công ty. Kết quả tích cực này chủ yếu đến từ tăng trưởng mạnh của giá cao su, cùng với hoạt động thanh lý gỗ cao su và thu nhập bồi thường đất chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất khu công nghiệp.

Triển vọng

Trong Q4/2025, chúng tôi dự báo doanh thu và LNST lần lượt đạt 8,6 nghìn tỷ đồng (-7% svck) và 1,6 nghìn tỷ đồng (-32% svck).

- Doanh thu mangan cao su tự nhiên dự kiến đạt 6,02 nghìn tỷ đồng (-20% svck), dựa trên giả định sản lượng tiêu thụ 135 nghìn tấn (-5% svck) và giá bán giảm 15% svck xuống 46,5 triệu đồng/tấn. Biên lợi nhuận gộp mangan cao su thiên nhiên được dự báo giảm 8% svck còn 26,2%, chủ yếu do giá bán giảm.
- Doanh thu gỗ cao su được dự báo giảm mạnh do nhu cầu sản phẩm MDF suy yếu tại các thị trường xuất khẩu, vốn chịu ảnh hưởng từ chính sách thuế quan của Mỹ.
- Doanh thu mangan KCN dự kiến đạt 344 tỷ đồng (+6% svck), được thúc đẩy bởi giá cho thuê tăng. Biên lợi nhuận gộp dự kiến đạt 56% (+2% svck).

Bên cạnh đó, thu nhập đền bù đất ước đạt 340 tỷ đồng, chủ yếu đến từ dự án KCN Bắc Đồng Phú mở rộng.

Cho cả năm 2025, chúng tôi dự phóng doanh thu và LNST lần lượt đạt 29 nghìn tỷ đồng (+9,2% svck) và 6,4 nghìn tỷ đồng (+41% svck), vượt 7% so với kế hoạch ban đầu của doanh nghiệp.

Sang năm 2026, chúng tôi dự báo doanh thu đạt 31,7 nghìn tỷ đồng (+9,2% svck) và LNST đạt 7,3 nghìn tỷ đồng (+7,9% svck). Các dự báo này dựa trên những giả định chính sau đây:

- **Cao su tự nhiên.** Theo ANRPC, sản lượng cao su thiên nhiên toàn cầu dự kiến tăng 0,5% svck trong năm 2025, đạt 14.892 nghìn tấn. Sang năm 2026, giá cao su thiên nhiên được kỳ vọng tăng 5% svck, trong khi nguồn cung có thể giảm 8% do điều kiện thời tiết bất lợi ảnh hưởng tới hoạt động cạo mủ. Đối với GVR, doanh thu mangan cao su được dự báo đạt 25 nghìn tỷ đồng (-3% svck), với biên lợi nhuận gộp giảm còn 24,7% từ mức 26,8% năm 2025, do sản lượng khai thác giảm bởi thời tiết xấu và chi phí vận hành tăng do khôi phục cây cao su.
- **Khu công nghiệp và chuyển đổi đất.** GVR đang triển khai thủ tục chuẩn bị đầu tư cho nhiều dự án khu công nghiệp trên đất cao su chuyển đổi với tổng diện tích đã phê duyệt là 2.604 ha tại TP.HCM, Tây Ninh và Gia Lai. Các dự án gồm: KCN Hiệp Thành giai đoạn 1, Nam Tân Uyên Mở rộng giai đoạn 2, Rạch Bắp Mở rộng, Bắc Đồng Phú giai đoạn 2, Minh Hưng III giai đoạn 2, Nam Đồng Phú giai đoạn 2, KCN Nam Pleiku.

Chúng tôi dự báo diện tích cho thuê KCN mới của GVR đạt 95 ha trong năm 2025 (+35% svck), tương ứng doanh thu 1,3 nghìn tỷ đồng (+30% svck). Nguồn cho thuê chủ yếu đến từ các KCN mới như Nam Tân Uyên 3 và Bắc Đồng Phú giai đoạn 2, đã ký kết biên bản ghi nhớ (MOU) với khách hàng. Biên lợi nhuận gộp đạt 52% (-4% svck), với mức tăng lợi nhuận chậm hơn do biên gộp thấp hơn tại các KCN mới so với các KCN hiện hữu.

- **Tiến độ chuyển đổi đất.** GVR đang ưu tiên hoàn thiện pháp lý, xin chấp thuận chủ trương đầu tư và triển khai phát triển hạ tầng KCN, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2025-2030 tại các tỉnh. Tổng diện tích KCN dự kiến giai đoạn 2025-2030 có thể đạt 23.444 ha, tập trung tại Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai và Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo đó, chúng tôi dự báo doanh thu chuyển nhượng đất đạt 3,2 nghìn tỷ đồng (+102% svck), LNTT đạt 2,63 nghìn tỷ đồng. Giả định diện tích đất cao su chuyển đổi tại Đồng Nai đạt 1.000 ha, dựa trên các dự án đã được phê duyệt KCN.

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu	26.226	25.483	22.138	26.242	29.033	31.704
% tăng trưởng	24,20%	-2,83%	-13,13%	18,54%	10,64%	9,20%
Lợi nhuận gộp	7.575	6.342	4.963	6.965	7.130	7.275
Biên lợi nhuận gộp	28,88%	24,89%	22,42%	26,54%	24,56%	22,80%
Thu nhập tài chính	831	885	1.115	957	986	1.016
Chi phí tài chính	-716	-696	-618	-465	-325	-309
SG&A	-2.189	-2.354	-2.455	-2.879	-2.455	-2.627
Thu nhập khác	82	658	165	867	1.584	2.856
LNTT	6.212	5.701	4.123	5.606	7.267	8.608
LN ròng	4.158	3.838	3.372	4.827	6.830	7.370
Tăng trưởng LNR (%)	10,29%	-7,70%	-12,14%	43,14%	41,53%	7,89%
EPS (VND)	1.040	807	646	1.207	1.708	1.843

Nguồn: GVR, SSI Research

Luận điểm đầu tư

Chúng tôi đánh giá tích cực GVR nhờ sở hữu quỹ đất cao su lớn nhất cả nước, với tổng diện tích 394.782 ha trải rộng tại nhiều địa phương như Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Tây Ninh và một số tỉnh thành khác. Việc chuyển đổi hơn 23.000 ha đất cao su sang phát triển khu công nghiệp mở ra giai đoạn tăng trưởng mới cho công ty. Dựa trên phương pháp định giá tổng hợp từng phần (SOTP), chúng tôi xác định giá mục tiêu 1 năm cho GVR ở mức 35.700 đồng/cổ phiếu, tương ứng tiềm năng tăng giá là 27,5% so với giá hiện tại. Do đó, chúng tôi tiếp tục duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN đối với cổ phiếu GVR.

Rủi ro: (i) Tiến độ chuyển đổi đất từ trồng cây cao su sang phát triển KCN có khả năng gặp khó khăn và chậm trễ trong quá trình phê duyệt pháp lý; và (ii) Nhu cầu đối với cao su tự nhiên có thể suy giảm trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều thách thức.

Lịch sử khuyến nghị:



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	5.564	5.779	8.430	10.670
+ Đầu tư ngắn hạn	11.355	13.952	14.092	14.233
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.546	2.539	2.065	2.065
+ Hàng tồn kho	3.360	4.352	4.569	4.798
+ Tài sản ngắn hạn khác	1.017	1.048	1.132	1.223
Tổng tài sản ngắn hạn	23.842	27.670	30.288	32.988
+ Các khoản phải thu dài hạn	657	608	638	670
+ GTCL Tài sản cố định	34.438	35.337	36.044	36.765
+ Bất động sản đầu tư	1.344	1.287	1.248	1.211
+ Tài sản dài hạn dở dang	10.774	9.067	9.430	9.807
+ Đầu tư dài hạn	2.957	2.688	2.822	2.963
+ Tài sản dài hạn khác	4.049	6.727	6.391	6.071
Tổng tài sản dài hạn	54.220	55.713	56.573	57.487
Tổng tài sản	78.062	83.384	86.861	90.474
+ Nợ ngắn hạn	9.653	11.594	10.435	9.391
Trong đó: vay ngắn hạn	3.003	4.075	3.260	2.608
+ Nợ dài hạn	13.432	13.392	13.125	12.862
Trong đó: vay dài hạn	3.577	2.964	2.816	2.675
Tổng nợ phải trả	23.085	24.987	23.559	22.253
+ Vốn góp	40.000	40.000	40.000	40.000
+ Thặng dư vốn cổ phần	326	326	326	326
+ Lợi nhuận chưa phân phối	5.187	6.241	7.177	8.253
+ Quỹ khác	41	53	64	77
Vốn chủ sở hữu	54.977	58.397	59.799	59.799
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	78.062	83.384	86.861	90.474
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	3.249	3.411	4.093	4.912
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-1.087	-1.196	-1.315	-1.447
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-921	-1.013	-1.114	-1.226
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.241	1.202	1.664	2.239
Tiền đầu kỳ	4.370	5.564	6.766	8.430
Tiền cuối kỳ	5.564	6.766	8.430	10.670
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	2,47	2,39	2,9	3,51
Hệ số thanh toán nhanh	2,12	2,01	2,46	3
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,58	0,5	0,81	1,14
Nợ ròng / EBITDA	0,14	0,21	-0,24	-0,49
Khả năng thanh toán lãi vay	7,43	12,82	22,66	27,55
Ngày phải thu	42	35,3	26	23,8
Ngày phải trả	10,8	8,5	8	7,7
Ngày tồn kho	71,4	82,4	76,1	71,7
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,7	0,7	0,69	0,66
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,12	0,14	0,12	0,1
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,42	0,43	0,39	0,37
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,12	0,1	0,09
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,05	0,07	0,05	0,04

Nguồn: GVR, SSI ước tính

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	22.138	26.242	29.033	31.704
Giá vốn hàng bán	-17.176	-19.277	-21.903	-24.429
Lợi nhuận gộp	4.963	6.965	7.130	7.275
Doanh thu hoạt động tài chính	1.115	957	986	1.016
Chi phí tài chính	-618	-465	-325	-309
Thu nhập từ các công ty liên kết	-208	162	130	130
Chi phí bán hàng	-591	-554	-565	-577
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-1.864	-2.325	-1.890	-2.050
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.796	4.740	5.466	5.355
Thu nhập khác	1.318	867	1.584	2.856
Lợi nhuận trước thuế	4.114	5.606	7.267	8.608
Lợi nhuận ròng	3.373	4.827	6.831	7.370
Lợi nhuận chia cho cổ đông	2.623	3.989	5.977	6.498
Lợi ích của cổ đông thiểu số	750	838	855	872
EPS cơ bản (VND)	646	1.207	1.708	1.843
Giá trị sổ sách (VND)	13.744	14.599	14.950	14.950
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	400	400	400	400
EBIT	4.591	5.959	7.375	8.520
EBITDA	7.080	5.959	9.833	11.008
Tăng trưởng				
Doanh thu	-12,9%	18,5%	10,6%	9,2%
EBITDA	-18,8%	-15,8%	65,0%	11,9%
EBIT	-26,6%	29,8%	23,8%	15,5%
Lợi nhuận ròng	-29,8%	43,1%	41,5%	7,9%
Vốn chủ sở hữu	2,7%	6,2%	2,4%	0,0%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	-0,5%	6,8%	4,2%	4,2%
Định giá				
P/E	54	26,1	19,8	16,5
P/B	2,5	2,2	1,9	1,8
Giá/Doanh thu	1,6	1,4	1	0,9
Tỷ suất cổ tức	1,1%	1,1%	1,4%	1,4%
EV/EBITDA	4,2	4,1	3,9	3,8
EV/Doanh thu	1,7	1,6	1,5	1,4
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	22,4%	26,5%	24,6%	22,8%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	12,6%	18,1%	18,8%	16,9%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	15,2%	18,4%	23,5%	23,2%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	2,7%	2,1%	1,9%	1,8%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	8,4%	8,9%	6,5%	6,5%
ROE	6,1%	8,3%	11,4%	12,3%
ROA	3,4%	4,8%	6,9%	7,2%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Bất động sản

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên Phân tích cao cấp

thanhtk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321